

Số: 206/2022/QĐST-HNGĐ

Châu Thành, ngày 08 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 345/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bà Đào Thị Thanh T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn thuận tình ly hôn ngày 08/7/2022 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 08/7/2022 của ông Trần Văn L, bà Đào Thị Thanh T đã thỏa thuận các vấn đề như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/7/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung, nợ chung: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T khai

không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T phải chịu 50% lệ phí theo quy định của pháp luật, mỗi người phải nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày L biên bản về việc không hòa giải được, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung, nợ chung: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn L và bà Đào Thị Thanh T phải chịu 50% lệ phí theo quy định của pháp luật, mỗi người phải nộp là 150.000 (*một trăm năm mươi nghìn*) đồng; ông L tự nguyện nộp thay lệ phí cho bà T. Tổng cộng lệ phí ông Trần Văn L phải nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006629 ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Châu Thành, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHS);
- UBND xã T, huyện M, T. Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn